TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN KIẾN AN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2024/HNGĐ-ST
Ngày 23-8-2024
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN KIẾN AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lã Anh Tuấn

Ông Nguyễn Công Biên.

- T ký phiên tòa: Ông Nông Hoàng Mạnh - T ký Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Lương Quỳnh Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 45/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2024/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn D, sinh năm 1955; nơi cư trú: Số nhà 21/71A phố N, Tổ 6 (cũ là tổ Phố M), phường N, quận K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1956; nơi cư trú: Số nhà 21/71A phố N, Tổ 6 (cũ là tổ Phố M), phường N, quận K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 02 tháng 6 năm 2023, bản tự khai ngày 04 tháng 6 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Lê Văn D trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân quận L, thành phố Hải Phòng năm 1978. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hòa thuận. Tuy nhiên, khoảng 05 năm trở lại

đây, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi nhau do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, bà T can thiệp quá sâu vào công việc của ông khiến cho ông cảm thấy mất tự do. Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng thực sự trầm trọng, tình cảm không còn nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn bà Nguyễn Thị T.

Về con chung: Ông và bà T có 04 con chung là Lê Thùy D sinh ngày 21/11/1978, Lê Hồng P sinh ngày 29/10/1980, Lê Văn K sinh ngày 16/3/1983 và Lê Diệu L sinh ngày 28/8/1986. Hiện các con ông đều đã trưởng thành, có cuộc sống riêng nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các Thông báo và giấy triệu tập cho bị đơn là bà Nguyễn Thị T; bà T đã trực tiếp nhận các văn bản tố tụng này. Tuy nhiên, bà T không đến Tòa án và cũng không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Lê Văn D.

Theo kết quả xác minh tại tổ dân phố nơi ông Lê Văn D và bà Nguyễn Thị T sinh sống: Quá trình chung sống tại địa phương, ông Lê Văn D và bà Nguyễn Thị T có xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do hai bên có sự bất đồng quan điểm sống.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

* Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và T ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 và Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Tòng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn D.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Lê Văn D được ly hôn bà Nguyễn Thị T.

- Về con chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Ông Lê Văn D được miễn án phí ly hôn sơ thẩm do là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về Ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là bà Nguyễn Thị T, hiện cư trú tại số nhà 21/71A phố N, Tổ 6 (cũ là tổ Phố M), phường N, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị T vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về hôn nhân: Ông Lê Văn D và bà Nguyễn Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân quận L, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 489/1978, ngày 26 tháng 5 năm 1978 nên là hôn nhân hợp pháp. Qua lời trình bày của ông D và trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ mà Tòa án thu thập được cho thấy cuộc sống hôn nhân của ông bà có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và lối sống. Vì thế đã khiến cho hôn nhân của ông bà lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không còn yêu Tơng nhau. Về phía bà T, mặc dù biết việc ông D xin ly hôn mình tại Tòa án nhân dân quận Kiến An, nhưng không có ý kiến gì, điều đó cho thấy bà T cũng không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân của bà và ông D. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy yêu cầu khởi kiện của ông D về việc ly hôn với bà T là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Ông D và bà T có 04 con chung là Lê Thùy D sinh ngày 21/11/1978, Lê Hồng P sinh ngày 29/10/1980, Lê Văn K sinh ngày 16/3/1983 và Lê D sinh ngày 28/8/1986. Hiện các con của ông bà đều đã thành niên và có cuộc sống riêng, ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về chia tài sản: Ông D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Ông Lê Văn D là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử miễn án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn cho ông D theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 19, 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 và Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Tòng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn D.

1. Về hôn nhân: Cho ông Lê Văn D được ly hôn bà Nguyễn Thị T.

2. Về nuôi con chung: Ông Lê Văn D và bà Nguyễn Thị T có 04 con chung là Lê Thùy D, sinh ngày 21/11/1978, Lê Hồng P sinh ngày 29/10/1980, Lê Văn K sinh ngày 16/3/1983 và Lê Diệu L sinh ngày 28/8/1986 hiện đều đã thành niên và có khả năng lao động. Ông Lê Văn D không yêu cầu nên không phải giải quyết.

3. Về tài sản chung: Ông Lê Văn D không yêu cầu nên không phải giải quyết.

4. Về án phí: Ông Lê Văn D được miễn án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Kiến An;
- Chi cục THADS quận Kiến An;
- TANDTP Hải Phòng;
- UBND quận Lê Chân;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Bình